MC đảm

kích thước

213 3	69086Ba 1	P	I BILET CHIF CONCLETE ONA	I ATTAO MIIR BRIEF RIOT HITAE	HUU EERIK JOOK IBOIK 300	III	
REV. DATE	DESCRI	TION REF.N	lo. DWN	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLE	DANCE
init. 2014/12/23	DEGG, G. FION		Nguyen Mau !		Pham Thank Tung	0.5 ≤ , ≤ 6	± 0.1
2015/09/06	(5.5⇒6.5)寸法修正	T-VNM-15-0		an Nguyen Khanh Khoa	Pham_Thanh_Tung	6 < ,≦ 30	± 0.2
<u>2018/09/07</u>	Modification dimension			 	•	30 < ,≦ 120	± 0.3
<u> </u>		PKP-18-08		an Nguyen_Khanh_Khoa	 	120 < , ≦ 400	± 0.5
2022/09/21	Change Dimension	T-VNM-22-0	9-031 Le_Anh_Tu	an Ngyer_Khani_Kina	Van_Xuan_8inh	TOLERANCES NOT OF SPECIFIED APPLIES JIS 8 0405	
MA (12.1) -	MC 8+0.01 GS 12 MC 9/13-0.03 MC 9/13-0.03	MA (14.1) - MC - 2-R0.2 以下 MC - 0.02 A A	2/	(1.6		SPECIFIED APPLIES JIS BIMAS FINISH MAR ALL CO.	-m,JIS80419-k :KS
4-R0.2 b) EW MC-E	MA () WMA () WMA () WMA () WMA ()	MC MC 97 97 MC 97 MC 97 MC MC 97 MC	5-100 23-103	7.5 MC	atherete Alexand	CHUẨN	
CHKD.	MATERIAL	TITLE		P	ARTS N		
Pham_Thanh_Tung	SKD11	图品馆			チャッ		
DSGND.	SURFACE SCALE	PART DRAWING			CHUC		
Nguyen_Khanh_Khoa	2:1	部品图			夹爪		
		部品圖			八夾	_	
		DATE	<u> </u>		DWG.N		
Nguyen_Knann_Knoa H1	RC 58 ~62.4(3) A4V	2014/12/23		<u>S</u> 9	<u>3</u> 9	910	

MABUCH MOTOR CO.,LTD.

414 309 030

SNO: S939910 Số PCS TốI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:						
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P					
1.VẬT LIỆU: SKD11 T16*18*59	THỜI GIAN CHUẨN 1P AA:20 MA:20 GS:25 MC:90 HT:40 EW:40 AF:10 KT					